| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HOÀ AN**<br>**TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc** |

B¶n ¸n sè: 01 /2020/HNG§-ST
Ngµy: 29 -4-2020
*V/v: "Ly h«n"*

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Dong

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Hữu

2. Bà Hoàng Thị Bằng

***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Ông Trịnh Nguyễn Huyên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc ***" Ly hôn "*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị **Hoàng Thị Hồng A**; Sinh năm 1980; (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. (Nay là xóm B, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng).

*2. Bị đơn*: Anh **Mã Văn C**; Sinh năm 1979; (Vắng mặt có lý do)

Quê quán: Xóm C, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT: Xóm T, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. (Nay là xóm B, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng).

Hiện đang chấp hành án tại Đội 38, phân trại số 03, trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Hoàng Thị Hồng A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Mã Văn C có địa chỉ tại xóm T, xã Đ, huyện H,tỉnh Cao Bằng kết hôn ngày 04/8/2003 trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận , hạnh phúc. Nhưng nguyên nhân là do anh C uống rượu say, gây ra đánh nhau dẫn đến gây chết người. Tại bản án số 66/2014/HSST ngày 23/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử về tội giết người, xử phạt tù chung thân. Hiện nay anh C phải đi chấp hành án tại Đội 38, phân trại số 03, trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, nay chị A xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hoàng Mã C1, sinh ngày 01/01/2005. Hiện nay, con đang sống cùng với chị tại xóm B, xã Đ, huyện H,tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn con chung chị sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, do bị đơn đang chấp hành án tại trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được, do đó Tòa án đã lập Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Ngày 30 tháng 12 năm 2019 Tòa án đã ra Quyết định Ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang chuyển đến là bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt của anh Mã Văn C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4 /2020 của anh Mã Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh C xác nhận về điều kiện, thời gian kết hôn với chị A đúng như chị A đã trình bày.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Theo anh C, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2014, anh C có hành vi vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù chung thân, kể từ đó vợ chồng không thể chăm sóc, quan tâm nhau nữa anh cũng xác định không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với chị A được nữa. Hiện nay, chị A có đơn xin ly

hôn với anh, anh nhất trí theo yêu cầu của chị A, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị A được ly hôn.

- Về con chung: Anh C thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Mã C1 sinh ngày 01/01/2005 hiện đang ở với chị A. Khi ly hôn, con chung anh nhất trí theo yêu cầu của chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Hồng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Mã Văn C. Bị đơn anh C vắng mặt tuy nhiên đã có ý kiến chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về các vấn đề hôn nhân, nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Áp dụng Khoản 1,Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56 ,các điều 58, 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hoàng Thị Hồng A kết hôn với anh Mã Văn C, địa chỉ: xómT, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nay, chị A khởi kiện xin ly hôn với anh C, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Hồng A và anh Mã Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng vào ngày 04/8/2003 trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh C là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị A và anh C thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2014 anh C có hành vi vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án tại Đội 38, phân trại số 03, trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, kể từ đó vợ chồng sống ly thân và tình cảm vợ chồng trở nên xa cách không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C, phía anh C cũng nhất trí ly hôn. Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Hồng A và anh Mã Văn C đã không thể tiếp tục được nữa, cả chị A và anh C đều có nguyện vọng được giải quyết ly hôn, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị A và anh C có một con chung tên Hoàng Mã C1, sinh ngày 01/01/2005. Hiện nay, con đang ở với chị A tại xóm T, xã Đ, huyện H,tỉnh Cao Bằng. Lời khai của Cháu C1 có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn là được ở với mẹ. Ghi nhận ý kiến của chị A, anh C về việc sau khi ly hôn con chung sẽ giao cho chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên và chị không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh C đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát phát biểu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Hồng A đối với anh Mã Văn C.

Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh C chấm dứt kể từ thời điểm bản án này có hiệu lực pháp luật.

**2. Về con chung:** Ghi nhận sự thỏa thuận của chị A, anh C về việc sau khi ly hôn giao con chung tên Hoàng Mã C1, sinh ngày 01/01/2005 cho chị Hoàng Thị Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Anh Mã Văn C được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở.

**Về cấp dưỡng nuôi con chung**: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chị A không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Chị A và anh C cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và vay, nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Hoàng Thị Hồng A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sung công quỹ Nhà nước nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001373 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An - Cao Bằng. Nay, xác nhận chị A đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKS huyện Hoà An;
- UBND xã Đức Long;
- CCTHADS huyện Hoà An;
- TAND Tỉnh Cao Bằng;
- Lưu HS.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Dong**